TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ TRÍ VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2020
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân nhân dân:

1. Bà Cao Thị Loan.

2. Bà Nguyễn Thị Hơn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 861/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Q**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: đường Đ, phường N, thành phố M, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Đoàn Minh T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số 196/5 đường Đ, phường N, thành phố M, tỉnh T.

(Có mặt chị Q, vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 12/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị Q trình bày: Chị và anh Đoàn Minh T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T vào ngày 05/11/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T chỉ lo nhậu nhẹt, không chăm sóc gia đình, không tôn trọng gia đình vợ và có quan hệ với người phụ nữ khác, chị nhiều lần khuyên răn nhưng không được. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Minh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Đoàn Anh T, sinh ngày 16/9/2009. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, yêu cầu anh

T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đoàn Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Tại phiên tòa:

Chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, lao động được

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng Dân sự quy định. Riêng bị đơn không tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị Q là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q, giao con chung cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng và đảm bảo sự ổn định cuộc sống của cháu T1, anh T cấp dưỡng nuôi con theo mức phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Q và anh Đoàn Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 209/HT, quyển số 1/2018, ngày 05/11/2008. Chị Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Anh Đoàn Minh T cư trú tại đường Đ, phường N, thành phố M, Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Đoàn Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Đoàn Minh T được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy

định pháp luật nên hôn nhân của chị Q và anh T là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 và Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét thấy từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh T đến Tòa án nhưng anh vắng mặt không có lý do, anh T không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng nên anh T đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Hiện tại chị Q trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh T nên đã nộp đơn ly hôn và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là Đoàn Anh T1, sinh ngày 16/9/2009. Tại phiên tòa chị Q yêu cầu giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, lao động được. Xét thấy, cháu T1 hiện nay đang sống với chị Q và có nguyện vọng được sống với chị Q. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện, ổn định về tâm lý của cháu T1 thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu cho chị Q tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và anh T cấp dưỡng nuôi cháu T1 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Q và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 11 và Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q được ly hôn với anh Đoàn Minh T;

- Về con chung: Giao con chung là Đoàn Anh T, sinh ngày 16/9/2009 cho chị

Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi cháu T1 1.000.000 đồng/tháng.

Thời gian thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Q có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu anh T chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị Q đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000771 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND xã T, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Huyền Ni